Số: 21/GPXB-STTTT
Thời gian ký: 20/05/2022 14:24:08 +07:00

SỞ TƯ PHÁP TỈNH BÌNH ĐỊNH
TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC
Địa chỉ: 715 Trần Hưng Đạo - Tp. Quy Nhơn - Bình Định
Điện thoại: 0256. 3816816 - 0256. 3820141

TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Chịu trách nhiệm xuất bản:
LÊ THÀNH TRUNG - Giám đốc TT TGPL NN tỉnh Bình Định

Trưởng Ban Biên tập:
LÊ THÀNH SƠN - P. Giám đốc TT TGPL NN tỉnh Bình Định

Biên tập, Trình bày & Sửa bản in:
LÂM THANH TÙNG - TP TH - HC TT TGPL NN tỉnh Bình Định
LÊ MINH TIẾN - Trợ giúp viên TT TGPL NN tỉnh Bình Định
NGUYỄN THỊ MAI HỒNG - Chuyên viên TT TGPL NN tỉnh Bình Định

In 2.000 bản, khổ 10.5x20.5cm, 24 trang tại Công ty TNHH Mỹ Thuật - Quảng cáo In và Thương mại Thái Bình. Địa chỉ 534A Nguyễn Thái Học - Tp. Quy Nhơn - Bình Định. Theo Giấy phép xuất bản số ..... do Sở Thông tin và Truyền thông Bình Định cấp ngày ..... In xong và nộp lưu chiểu tháng .....

NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT VỀ TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

Năm 2022

Câu hỏi 1: Trợ giúp pháp lý là gì ?

Trợ giúp pháp lý là việc cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí cho người được trợ giúp pháp lý trong vụ việc trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý, góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong tiếp cận công lý và bình đẳng trước pháp luật.

Câu hỏi 2: Những lĩnh vực, hình thức được trợ giúp pháp lý ?

Trả lời:

- Trợ giúp pháp lý được thực hiện trong các lĩnh vực pháp luật, trừ lĩnh vực kinh doanh, thương mại.

- Các hình thức trợ giúp pháp lý bao gồm:

+ Tham gia tố tụng.

Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý tham gia tố tụng với tư cách là người bào chữa hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người được trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật Trợ giúp pháp lý và pháp luật về tố tụng.

+ Tư vấn pháp luật.

Người thực hiện trợ giúp pháp lý tư vấn pháp luật cho người được trợ giúp pháp lý bằng việc hướng dẫn, đưa ra ý kiến, giúp soạn thảo văn bản liên quan đến tranh chấp, khiếu nại, vướng mắc pháp luật; hướng dẫn giúp các bên hòa giải, thương lượng, thống nhất hướng giải quyết vụ việc.

+ Đại diện ngoài tố tụng.

Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý đại diện ngoài tố tụng cho người được trợ giúp pháp lý trước cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

(Điều 27, 31, 32, 33 Luật Trợ giúp pháp lý 2017)

Câu hỏi 3: Trong hoạt động trợ giúp pháp lý cần tuân theo những nguyên tắc gì?

Trả lời: Hoạt động trợ giúp pháp lý cần tuân theo những nguyên tắc sau đây:

1. Tuân thủ pháp luật và quy tắc nghề nghiệp trợ giúp pháp lý.

2. Kịp thời, độc lập, trung thực, tôn trọng sự thật khách quan.

3. Bảo vệ tốt nhất quyền, lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp

pháp lý.

4. Không thu tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được trợ giúp pháp lý.

(Điều 3 Luật Trợ giúp pháp lý 2017)

Câu hỏi 4: Người được trợ giúp pháp lý phải nộp những loại giấy tờ gì khi yêu cầu trợ giúp pháp lý?

Trả lời: Khi yêu cầu trợ giúp pháp lý, người yêu cầu phải nộp hồ sơ cho tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, gồm có:

- Đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý.

- Giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý. (theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 08/2017/TT-BTP ngày 15/11/2017)

- Các giấy tờ, tài liệu có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý.

(Điều 29 Luật Trợ giúp pháp lý 2017)

Câu hỏi 5: Những hành vi nào bị nghiêm cấm trong hoạt động trợ giúp pháp lý?

Trả lời: Các hành vi bị nghiêm

cấm trong hoạt động trợ giúp pháp lý đó là:

1. Nghiêm cấm tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý có hành vi sau đây:

a) Xâm phạm danh dự, nhân phẩm, quyền và lợi ích hợp pháp của người được trợ giúp pháp lý; phân biệt đối xử người được trợ giúp pháp lý;

b) Nhận, đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác từ người được trợ giúp pháp lý; sách nhiễu người được trợ giúp pháp lý;

C) Tiết lộ thông tin về vụ việc trợ giúp pháp lý, về người được trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp người được trợ giúp pháp lý đồng ý bằng văn bản hoặc luật có quy định khác;

D) Từ chối hoặc không tiếp tục thực hiện trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp quy định tại Luật này và quy định của pháp luật về tố tụng;

đ) Lợi dụng hoạt động trợ giúp pháp lý để trục lợi, xâm phạm quốc phòng, an ninh quốc gia, gây mất trật tự, an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến đạo đức xã hội;

e) Xúi giục, kích động người được trợ giúp pháp lý cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trái pháp luật.

2. Nghiêm cấm người được trợ giúp pháp lý, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động trợ giúp pháp lý có hành vi sau đây:

a) Xâm phạm sức khỏe, tính mạng, danh dự, nhân phẩm của người thực hiện trợ giúp pháp lý và uy tín của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;

B) Cố tình cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về vụ việc trợ giúp pháp lý;

c) Đe dọa, cản trở, can thiệp trái pháp luật vào hoạt động trợ giúp pháp lý; gây rối, làm mất trật tự, vi phạm nghiêm trọng nội quy nơi thực hiện trợ giúp pháp lý.

(Điều 6 Luật Trợ giúp pháp lý 2017)

Câu hỏi 6: Những người nào thuộc diện được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý?

Trả lời: Những người được hưởng chính sách trợ giúp pháp lý miễn phí

đó là:

- Người có công với cách mạng.

- Người thuộc hộ nghèo.

- Trẻ em.

- Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

- Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo.

- Người thuộc một trong các trường hợp sau đây là người thuộc hộ cận nghèo hoặc là người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định của pháp luật:

+ Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ;

+ Người nhiễm chất độc da cam;

+ Người cao tuổi;

+ Người khuyết tật;

+ Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự;

+ Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình;

+ Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người;

+ Người nhiễm HIV.

(Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý 2017, Điều 2 Nghị định 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ)

Câu hỏi 7: Những giấy tờ nào chứng minh là người thuộc diện được trợ giúp pháp lý?

Trả lời: Điều 33 Thông tư số 08/2017/TT-BTP quy định giấy tờ chứng minh người thuộc diện trợ giúp pháp lý như sau:

1. Giấy tờ chứng minh là người có công với cách mạng gồm một trong các giấy tờ sau:

a) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền công nhận là người có công với cách mạng theo quy định của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;

B) Quyết định phong tặng danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến;

c) Huân chương Kháng chiến, Huy chương Kháng chiến, Bằng Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Bằng Anh hùng, Bằng Có công với nước;

D) Quyết định trợ cấp, phụ cấp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng;

đ) Quyết định hoặc giấy chứng nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, bệnh binh, bệnh tật do nhiễm chất độc hóa học, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

2. Giấy tờ chứng minh người thuộc hộ nghèo là giấy chứng nhận hộ nghèo.

3. Giấy tờ chứng minh là trẻ em gồm một trong các giấy tờ sau:

A) Giấy khai sinh, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân, căn cước công dân, hộ chiếu;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là trẻ em;

c) Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về áp dụng biện pháp xử lý hành chính hoặc xử phạt vi phạm hành chính xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là trẻ em.

4. Giấy tờ chứng minh là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn gồm một trong các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên là người dân tộc thiểu số và nơi cư trú của người đó;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người dân tộc thiểu số và nơi cư trú của người đó.

5. Giấy tờ chứng minh người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

6. Giấy tờ chứng minh là người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội.

7. Giấy tờ chứng minh là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo hoặc quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng hoặc quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về trợ cấp ưu đãi, trợ cấp tiền tuất đối với cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ hoặc Giấy chứng nhận gia đình liệt sỹ, Bằng tổ quốc ghi công có tên liệt sỹ kèm theo giấy tờ chứng minh mối quan hệ thân nhân với liệt sỹ.

8. Giấy tờ chứng minh là người nhiễm chất độc da cam có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

b) Quyết định về việc trợ cấp ưu đãi đối với con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học hoặc Giấy chứng nhận bệnh tật, dị dạng, dị tật do nhiễm chất độc hóa học.

9. Giấy tờ chứng minh là người cao tuổi có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

a) Quyết định hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; Quyết định tiếp nhận đối tượng vào chăm sóc, nuôi dưỡng tại nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định người có tên trong giấy là người cao tuổi.

10. Giấy tờ chứng minh là người khuyết tật có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

a) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo Giấy chứng nhận khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp;

b) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 9 Điều này.

11. Giấy tờ chứng minh là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự có khó khăn về tài

chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

b) Văn bản của cơ quan tiến hành tố tụng xác định người có yêu cầu trợ giúp pháp lý là bị hại và từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

12. Giấy tờ chứng minh là nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính gồm một trong các loại giấy tờ sau:

a) Quyết định tiếp nhận nạn nhân bạo lực gia đình vào nhà xã hội, cơ sở bảo trợ xã hội;

b) Giấy chứng nhận hộ cận nghèo kèm theo một trong các loại giấy tờ: Giấy xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về việc khám và điều trị thương tích do hành vi bạo lực gia đình gây ra; Quyết định cấm người gây bạo lực gia đình tiếp xúc với nạn nhân bạo lực gia đình; Quyết định xử lý vi phạm hành chính với người có hành vi bạo lực gia đình.

13. Giấy tờ chứng minh là nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua

bán người có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

b) Giấy tờ, tài liệu chứng nhận nạn nhân theo quy định tại Điều 28 Luật Phòng, chống mua bán người.

14. Giấy tờ chứng minh là người nhiễm HIV có khó khăn về tài chính gồm các giấy tờ sau:

a) Giấy tờ quy định tại điểm a khoản 7 Điều này;

B) Giấy xác nhận của cơ quan có thẩm quyền cấp xác định là người nhiễm HIV.

15. Các loại giấy tờ hợp pháp khác do cơ quan có thẩm quyền cấp xác định được người thuộc diện trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật trợ giúp pháp lý.

Trong trường hợp những người thuộc diện được trợ giúp pháp lý bị thất lạc các giấy tờ nêu trên thì phải có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy tờ đó.

Câu hỏi 8: Người được trợ giúp pháp lý có những quyền gì?

Trả lời: Người được trợ giúp pháp lý có những quyền sau đây:

1. Được trợ giúp pháp lý mà không phải trả tiền, lợi ích vật chất hoặc lợi ích khác.

2. Tự mình hoặc thông qua người thân thích, cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức, cá nhân khác yêu cầu trợ giúp pháp lý.

3. Được thông tin về quyền được trợ giúp pháp lý, trình tự, thủ tục trợ giúp pháp lý khi đến tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và các cơ quan nhà nước có liên quan.

4. Yêu cầu giữ bí mật về nội dung vụ việc trợ giúp pháp lý.

5. Lựa chọn một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và người thực hiện trợ giúp pháp lý tại địa phương trong danh sách được công bố; yêu cầu thay đổi người thực hiện trợ giúp pháp lý khi người đó thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 của Luật này.

6. Thay đổi, rút yêu cầu trợ giúp pháp lý.

7. Được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

8. Khiếu nại, tố cáo về trợ giúp pháp lý theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

(Điều 8 Luật Trợ giúp pháp lý 2017)

Câu hỏi 9: Người được trợ giúp pháp lý có những nghĩa vụ gì?

Trả lời: Người được trợ giúp pháp lý có những nghĩa vụ sau đây:

1. Cung cấp giấy tờ chứng minh là người được trợ giúp pháp lý.

2. Hợp tác, cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, tài liệu, chứng cứ đó.

3. Tôn trọng tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý, người thực hiện trợ giúp pháp lý và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến vụ việc trợ giúp pháp lý.

4. Không yêu cầu tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý khác trợ giúp pháp lý cho mình về cùng một vụ việc đang được một tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý thụ lý, giải quyết.

5. Chấp hành pháp luật về trợ giúp pháp lý và nội quy nơi thực hiện trợ giúp pháp lý.

(Điều 9 Luật Trợ giúp pháp lý 2017)

Khi có nhu cầu được trợ giúp pháp lý, hãy liên hệ với Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước hoặc các Chi nhánh Trợ giúp pháp lý của Trung tâm, nơi người yêu cầu trợ giúp pháp lý cư trú để được hỗ trợ những vướng mắc pháp luật.

ĐỊA CHỈ TRUNG TÂM TRỢ GIÚP PHÁP LÝ NHÀ NƯỚC VÀ CÁC CHI NHÁNH TGPL TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH

1. Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước.

ĐC: số 715 đường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. ĐT: 0256.3816816.

2. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 1. Phụ trách địa bàn 02 huyện Tuy Phước và Vân Canh.

ĐC: số 57 đường Lê Hồng Phong, TT. Diêu Trì, huyện Tuy Phước. ĐT: 0256.3734378

3. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2. Phụ trách địa bàn TX. An Nhơn và huyện Phù Cát.

ĐC: số 79 đường Lê Hồng Phong, P. Bình Định, TX. An Nhơn. ĐT: 0256.3635666

4. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 3. Phụ trách địa bàn 02 huyện Phù Mỹ và Hoài Nhơn.

Địa chỉ: số 19 đường Thanh Niên, TT. Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ. ĐT: 0256.3655123

5. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 4. Phụ trách địa bàn 02 huyện An Lão và Hoài Ân.

ĐC: Thôn 2, TT. An Lão, huyện An Lão. ĐT: 0256.3875456

6. Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 5.

Phụ trách địa bàn 02 huyện Vĩnh Thạnh và Tây Sơn.

ĐC: Khu phố Định Tố, TT. Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh. ĐT: 0256.3786888

DANH SÁCH CÁC TRỢ GIÚP VIÊN PHÁP LÝ

1. Lê Thành Trung, Trợ giúp viên pháp lý, Giám đốc Trung tâm. Số điện thoại: 0256.3586999; 0972155887.

2. Lê Thành Sơn, Trợ giúp viên pháp lý, Phó Giám đốc Trung tâm. Số điện thoại: 0256.3501221; 0935067641.

3. Nguyễn Ánh Quang, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng phòng pháp luật Hình sự - Hành chính. Số điện thoại: 0256.3816816; 0913434655.

4. Phan Văn Hùng, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng phòng pháp luật Dân sự - Đất đai. Số điện thoại: 0256.3816816; 0935544555.

5. Nguyễn Hữu Vinh, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng phòng pháp luật Lao động - Xã hội. Số điện thoại: 0256.3816816; 0914276141.

6. Nguyễn Ngọc Quốc Linh, Trợ giúp viên pháp lý. Phòng pháp luật Lao động - Xã hội. Số điện thoại: 0256.3816816; 0912379262.

7. Lâm Thanh Tùng, Trợ giúp viên pháp lý.

Trưởng phòng Tổng hợp - Hành chính. Số điện thoại: 0256.3820141; 0906562479.

8. Lê Minh Tiến, Trợ giúp viên pháp lý. Phòng Tổng hợp - Hành chính. Số điện thoại: 0256.3820141; 0905455459.

9. Phan Thị Ngọc Huyền, Trợ giúp viên pháp lý. Phòng Tổng hợp - Hành chính. Số điện thoại: 0256.3820141; 0974138849.

10. Lê Tôn Nữ Kim Yến, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 1. Số điện thoại: 0256. 3734378; 0905693008.

11. Quách Hồng Cẩm, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 2. Số điện thoại: 0256.3635666; 0988952390.

12. Hồ Văn Huy, Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 3. Số điện thoại: 0256.3655123; 0978545347.

13. Phạm Minh Vương, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 4. Số điện thoại: 0256.3875456; 0985258990.

14. Nguyễn Thị Xuân Diệu, Trợ giúp viên pháp lý Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 3. Số điện thoại: 0256.3875456; 0962362117.

15. Nguyễn Thị Hồng Thắm, Trợ giúp viên pháp lý, Trưởng Chi nhánh Trợ giúp pháp lý số 5. Số điện thoại: 0256.3786888; 01656579428.